PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 192/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc xác định hình thức xử phạt và mức phạt tiền

1. Hình thức xử phạt cảnh cáo được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Xử phạt hành vi quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP;

b) Đối với các hành vi được áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính (phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền) quy định khoản 1 Điều 13, điểm a khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 7 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 4 Điều 19, khoản 5 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP thì hình thức xử phạt cảnh cáo được áp dụng đối với vi phạm lần đầu và không có tình tiết tăng nặng.

2. Đối với những hành vi chỉ quy định hình thức phạt tiền hoặc không đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo, mức phạt tiền cụ thể được xác định như sau:

a) Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung hình phạt và mức tối thiểu của khung hình phạt;

b) Cứ một tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì mức tiền phạt được giảm hoặc tăng 20% so với mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó, nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu và không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt;

c) Khi xác định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc có một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì áp dụng theo quy định tại điểm b khoản này.

3. Nguồn kinh phí nộp phạt của tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Trường hợp xử phạt tổ chức thì sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tổ chức.

Điều 4. Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP phải lập biên bản ngay tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

2. Biên bản phải lập theo đúng quy định tại Mẫu Biên bản số 01 kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP).

Chương II
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 5. Hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi tại thời điểm thực hiện mua sắm chưa có quyết định về mua sắm tài sản nhà nước của cấp có thẩm quyền. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP và được xác định theo từng lần mua sắm.

3. Hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi mua sắm tài sản vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng, vượt về mức giá (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Việc xác định phần giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức để làm căn cứ xử phạt được quy định như sau:

a) Trường hợp mua sắm tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt/01 đơn vị tài sản được xác định bằng đơn giá của tài sản đó theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản;

b) Trường hợp mua sắm tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng giá trị của tài sản theo giá mua ghi trên hóa đơn hoặc hợp đồng mua sắm tài sản trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Trường hợp mua sắm trụ sở làm việc vượt tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng chênh lệch giữa diện tích thực tế trừ đi (-) diện tích được sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức nhân với (x) đơn giá mua bình quân theo hóa đơn (hoặc theo hợp đồng mua sắm tài sản).

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi thực hiện thuê tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi ký kết hợp đồng thuê tài sản khi chưa có quyết định về thuê tài sản của cấp có thẩm quyền.

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Hành vi thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi thuê tài sản để phục vụ hoạt động của tổ chức vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc) so với tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

3. Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng hình thức, trình tự quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Hành vi không thông báo công khai nhu cầu thuê tài sản trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Hành vi không thực hiện đấu thầu khi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản đối với các trường hợp theo quy định của pháp luật phải thực hiện đấu thầu.

4. Giá trị hợp đồng thuê tài sản để làm căn cứ xử phạt được xác định như sau:

a) Trường hợp trong hợp đồng thuê tài sản ghi cụ thể tổng giá trị hợp đồng thì xác định theo tổng giá trị ghi trong hợp đồng;

b) Trường hợp trong hợp đồng thuê tài sản ghi số lượng (khối lượng), đơn giá và thời hạn thuê thì tổng giá trị hợp đồng được xác định bằng (=) số lượng (khối lượng) nhân với (x) đơn giá thuê nhân với (x) thời hạn thuê ghi trong hợp đồng;

c) Trường hợp trong hợp đồng không ghi rõ thời hạn thuê thì giá trị hợp đồng thuê được tính theo số tiền thuê tài sản thực tế đã trả kể cả phần tiền thuê trả trước nếu có tính đến thời điểm ra quyết định xử phạt hành chính.

Điều 7. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức

Việc xử phạt hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 192/2013/NĐ-CP là hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước cho người sử dụng, bộ phận sử dụng đúng đối tượng nhưng vượt về diện tích (đối với trụ sở làm việc), vượt về số lượng hoặc mức giá (đối với phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc).

2. Việc xác định giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức được quy định như sau:

a) Trường hợp bố trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc vượt về số lượng so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng tài sản vượt nhân với (x) nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán; trường hợp trên sổ kế toán không theo dõi nguyên giá tài sản thì lấy theo giá trị mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, công năng sử dụng tương đương trên thị trường tại thời điểm xảy ra vi phạm;

b) Trường hợp bố trí, sử dụng tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc đúng về số lượng nhưng vượt về mức giá so với tiêu chuẩn, định mức: Giá trị vượt được xác định bằng số lượng vượt nhân với (x) (chênh lệch giữa nguyên giá của tài sản trên sổ kế toán trừ đi (-) giá trị tài sản theo tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định);